

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 – CẦN THƠ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2025/DS-ST
Ngày 28- 7 - 2025
V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – CẦN THƠ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Mỹ Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Tâm.

Ông Nguyễn Văn Giáp.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Khánh Huy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Cần Thơ, thành phố Cần Thơ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Cần Thơ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Bà Lâm Kiều Phương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án khu vực 9 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2024/TLST-DS, ngày 27 tháng 12 năm 2024 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2025/QĐXXST- DS ngày 19 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** **Võ Thị Thanh M;** Sinh ngày: 01/01/1973. Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp B, xã H, tỉnh Vĩnh Long).

-**Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:** Bà **Lê Thụy Thanh S;** Sinh ngày: 12/02/1980. Địa chỉ thường trú: 70/17, đường Đ, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 70/17, đường Đ, Khu phố B, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh); chỗ ở hiện nay: Khóm D, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay là Khóm D, xã T, tỉnh Vĩnh Long là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền lập ngày 19/12/2024 - Có mặt).

* **Đồng bị đơn:**

1. **Đinh Vũ L;** Sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Ấp L, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp L, xã A, thành phố Cần Thơ); chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp T, xã A, thành phố Cần Thơ – Vắng mặt).

2. Võ Thị N; Sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp T, xã A, thành phố Cần Thơ – Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 09 tháng 11 năm 2024, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Lê Thụy Thanh S trình bày:

Do anh L cùng làm chung ghe cát san lấp với chồng bà M là ông Diệp Văn M1, còn chị N là con ruột của sui gia với vợ chồng bà M. Nên ngày 12/12/2021 âm lịch, vợ chồng anh L, chị N có hợp đồng vay của bà M số tiền là 200.000.000 đồng, hợp đồng vay không có lãi suất, khi vay hai bên có lập giấy nợ ký ngày 12/12/2021 âm lịch, có bà Nguyễn Thị T là mẹ ruột chị Võ Thị N, mẹ vợ anh Đinh Vũ L chứng kiến. Theo thỏa thuận vợ chồng anh L, chị N sẽ trả toàn bộ số tiền 200.000.000 đồng cho bà M vào cuối năm 2022 âm lịch và không tính lãi. Đến thời hạn trả nợ, thì vợ chồng anh L, chị N có trả tiền cho bà M nhiều lần với số tiền là 25.000.000 đồng, thời gian trả là vào giữa năm 2023. Từ đó đến nay, vợ chồng anh L, chị N không có trả thêm khoản tiền nào cho bà M.

Nay bà Võ Thị Thanh M yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc vợ chồng anh Đinh Vũ L và chị Võ Thị N phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà M số tiền vay gốc còn nợ là 175.000.000 đồng, không tính lãi.

* Bị đơn là anh Đinh Vũ L, chị Võ Thị N đã được Tòa án tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án hợp lệ và được thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt, anh Đinh Vũ L, chị Võ Thị N không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cũng như không đến tham gia phiên họp và hòa giải, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị N, anh L.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

1. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ phát biểu ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và người đại diện của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các

quy định của pháp luật về Tố tụng dân sự. Riêng đối với đồng bị đơn không chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Nguyên đơn yêu cầu đồng bị đơn là anh Đinh Vũ L, chị Võ Thị N phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho nguyên đơn số tiền gốc còn nợ là 175.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Xét thấy, tại Giấy nợ lập ngày 12/12/2021 âm lịch, anh Đinh Vũ L, bà Võ Thị N thừa nhận có mượn của bà Võ Thị Thanh M số tiền 200.000.000 đồng. Đối với đồng bị đơn là anh Đinh Vũ L, chị Võ Thị N đã được Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ gửi thông báo về việc thụ lý vụ án về nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thanh M, nhưng anh L và chị N không gửi văn bản ghi ý kiến của mình, không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thanh M. Ngoài ra, tại biên bản lấy lời khai của bà Nguyễn Thị T ngày 05/6/2025 (bà Nguyễn Thị T là mẹ ruột chị Võ Thị N, mẹ vợ anh Đinh Vũ L chứng kiến) bà T khai nhận: Bà có ký chứng kiến trong Giấy nợ lập ngày 12/12/2021 âm lịch, bà có biết việc anh L và chị N nợ tiền bà M, nhưng bà không nhớ rõ là nợ bao nhiêu và hiện nay cũng không biết còn nợ lại bao nhiêu tiền. Do đó, việc bà M yêu cầu vợ chồng anh L và chị N phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả số tiền gốc là 175.000.000 đồng là hoàn toàn có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử buộc vợ chồng bị đơn anh Đinh Vũ L, chị Võ Thị N phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 175.000.000 đồng theo quy định của pháp luật. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc các bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Anh Đinh Vũ L, chị Võ Thị N là đồng bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) tiến hành xét xử vắng mặt anh L và chị N.

[1.2] Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thì giữa nguyên đơn và bị đơn có hợp đồng vay (mượn) tiền với nhau. Hiện nay, anh L, chị N còn nợ bà M số tiền gốc là 175.000.000 đồng. Do anh L, chị N vi phạm hợp đồng không hoàn trả tiền cho bà M, nên bà M yêu cầu anh L, chị N phải hoàn trả tổng số tiền gốc còn nợ là 175.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Hội đồng xét xử xác định quan

hệ tranh chấp phát sinh trong vụ kiện này là Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025) Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu đồng bị đơn là anh Đinh Vũ L, chị Võ Thị N phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho nguyên đơn số tiền gốc còn nợ là 175.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại Giấy nợ lập ngày 12/12/2021 âm lịch, vợ chồng anh Đinh Vũ L, chị Võ Thị N là người trực tiếp vay (mượn) số tiền 200.000.000 đồng của bà Võ Thị Thanh M, có bà Nguyễn Thị T là mẹ ruột chị Võ Thị N, mẹ vợ anh Đinh Vũ L chứng kiến. Tại biên bản lấy lời khai của bà Nguyễn Thị T ngày 05/6/2025, bà T khai nhận: bà có ký chứng kiến trong Giấy nợ lập ngày 12/12/2021 âm lịch, bà có biết việc anh L và chị N nợ tiền bà M, nhưng bà không nhớ rõ là nợ bao nhiêu và hiện nay cũng không biết còn nợ lại bao nhiêu tiền. Như vậy, có đủ căn cứ xác định là vợ chồng anh L và chị N có hợp đồng vay tiền của bà M. Đối với đồng bị đơn là anh Đinh Vũ L, chị Võ Thị N đã được Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ gửi thông báo về việc thụ lý vụ án về nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thanh M, nhưng anh L, chị N không gửi văn bản ghi ý kiến của mình, không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thanh M. Do đó, Hội đồng xét xử xem như anh L, chị N đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thanh M. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tình tiết, sự kiện bà Võ Thị Thanh M không cần phải chứng minh. Như vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thanh M. Vì vậy, cần xử buộc anh Đinh Vũ L và chị Võ Thị N phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà Võ Thị Thanh M số tiền gốc là 175.000.000 đồng, không tính lãi.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Anh Đinh Vũ L, chị Võ Thị N phải cùng có trách nhiệm liên đới nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 8.750.000 đồng; Bà Võ Thị Thanh M không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà Võ Thị Thanh M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.375.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006915 ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Chi cục thi hành

án dân sự Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 9 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ).

[4] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9- Cần Thơ, thành phố Cần Thơ. Như đã nhận định ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Cần Thơ là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ngoài ra, căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025), tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Các Điều 117, Điều 119, khoản 2 Điều 357, Điều 398, Điều 422, Điều 423, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 và Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và Lệ phí; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thanh M.

Buộc anh Đinh Vũ L và chị Võ Thị N phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà Võ Thị Thanh M số tiền gốc là 175.000.000 đồng (*Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng*).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà M có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong số tiền 175.000.000 đồng (*Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng*) thì hàng tháng anh L, chị N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đinh Vũ L và chị Võ Thị N phải cùng có trách nhiệm liên đới nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 8.750.000 đồng (*Tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*). Bà Võ Thị Thanh M không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà Võ Thị Thanh M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.375.000 đồng (*Bốn triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006915 ngày 19 tháng 12 năm

2024 của Chi cục thi hành án dân sự Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 9 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ).

3. Về quyền kháng cáo bản án: Bà Võ Thị Thanh M có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với đồng bị đơn là anh Đinh Vũ L, chị Võ Thị N không có mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 9 - Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 9 – Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hồ Mỹ Xuyên